

*
Số 381 -BC/HU

Tam Đường, ngày 10 tháng 5 năm 2023

BÁO CÁO

tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương và Kết luận số 56-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

Thực hiện Công văn số 1355-CV/TU, ngày 26/4/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương và Kết luận số 56-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, Huyện ủy Tam Đường báo cáo kết quả thực hiện như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 24-NQ/TW VÀ KẾT LUẬN 56-KL/TW

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT

1. Việc tuyên truyền, quán triệt, tổ chức học tập Nghị quyết

Ban Thường vụ Huyện ủy đã ban hành Kế hoạch số 48 - KH/HU, ngày 22/8/2013 về tổ chức quán triệt, học tập và xây dựng kế hoạch thực hiện các nghị quyết, kết luận Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI); lãnh đạo, chỉ đạo 100% các chi, đảng bộ trong toàn huyện tổ chức học tập, quán triệt, triển khai thực hiện các nghị quyết, kết luận hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) đảm bảo đúng tiến độ. Kết quả, toàn huyện tổ chức 210 hội nghị, với 1.964/2.012 lượt đảng viên tham gia học tập đạt 98%, cán bộ, viên chức tham gia học tập 1.490/1.562 người, đạt 95,3 %, nhân dân 156/156 bản với 8.869 người đại diện các hộ gia đình được tham gia học tập; tổ chức 01 hội nghị báo cáo viên mở rộng (ngày 24/10/2019) quán triệt, tuyên truyền các chỉ thị, nghị quyết, kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng và các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy (trong đó có Kết luận 56-KL/TW của Bộ Chính trị) cho các đồng chí cán bộ chủ chốt huyện, Đảng ủy các xã, thị trấn và đảng viên các chi bộ khối Đảng - Đoàn thể, Đảng bộ Quân sự huyện với tổng số đại biểu tham dự 150

người. Chỉ đạo các chi, đảng bộ nghiêm túc chỉ đạo, tổ chức phổ biến, quán triệt đầy đủ các chỉ thị, nghị quyết, kết luận, kế hoạch cho cán bộ, đảng viên trong các hội nghị, sinh hoạt chi bộ.

Qua công tác triển khai, học tập, tuyên truyền Nghị quyết góp phần nâng cao nhận thức về ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trong Nhân dân. Cấp ủy, chính quyền địa phương tập trung chỉ đạo xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện đảm bảo sát thực tiễn, có trọng tâm, trọng điểm; từng địa bàn, khu dân cư đưa nội dung bảo vệ môi trường vào hương ước, quy ước của bản. Các hoạt động vệ sinh môi trường nông thôn: quét rơm, vệ sinh đường làng, ngõ bản, thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt... đã được Nhân dân các dân tộc trên địa bàn huyện tích cực hưởng ứng, thực hiện.

Hàng năm cấp ủy các cấp ban hành chương trình kiểm tra, giám sát; thực hiện lồng ghép kiểm tra, giám sát với việc quán triệt, học tập, tuyên truyền và triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng. Qua kiểm tra, giám sát cơ bản các chi, đảng bộ đã chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc nghị quyết của Đảng nói chung và Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị của chi, đảng bộ, cơ quan, đơn vị; kịp thời rút kinh nghiệm, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện.

2. Việc ban hành kế hoạch thực hiện Nghị quyết

Huyện ủy ban hành Kế hoạch số 51-KH/HU, ngày 24/10/2013 về thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 (khóa XI) về chủ động ứng phó biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. Trong đó, xác định nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ yếu nhằm giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu; khai thác, sử dụng, quản lý hợp lý, hiệu quả và bền vững tài nguyên, phân đấu đến năm 2020 huyện Tam Đường cơ bản đáp ứng yêu cầu chung của Tỉnh về ứng phó biến đổi khí hậu, chủ động phòng, chống thiên tai. Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên; kiểm chế mức độ ô nhiễm môi trường, giữ cân bằng sinh thái, đa dạng sinh học, hướng tới nền kinh tế bền vững và thân thiện với môi trường. Chỉ đạo UBND huyện, UBND các xã, thị trấn lồng ghép nội dung về ứng phó biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường trong xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo tăng trưởng kinh tế gắn với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRONG NGHỊ QUYẾT 24-NQ/TW VÀ KẾT LUẬN 56-KL/TW

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu

1.1. Về ứng phó với biến đổi khí hậu

Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đầy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, trang bị kiến thức cơ bản, năng lực thích ứng cho Nhân dân nhằm nâng cao nhận

thức, hình thành cho mỗi người dân ý thức chủ động phòng, tránh thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Chỉ đạo UBND huyện quán triệt các cơ quan, ban, ngành, UBND các xã, thị trấn thực hiện tốt các văn bản chỉ đạo của Trung ương, các bộ, ngành, tỉnh về công tác phòng, chống thiên tai; lập kế hoạch tổ chức diễn tập, tập huấn phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; thành lập, kiện toàn tổ chức, bộ máy Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện, xã theo quy định tại Luật Phòng, chống thiên tai. Ban hành các văn bản chỉ đạo điều hành công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn huyện.

Chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của Tỉnh, lồng ghép các nhiệm vụ trong xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm qua các chỉ tiêu như: Tỷ lệ che phủ rừng, tỷ lệ sử dụng nước sạch, xây dựng quy hoạch sử dụng các nguồn tài nguyên...

1.2. Về quản lý tài nguyên

Chỉ đạo triển khai thực hiện công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lũy kế đến 31/12/2022, trên địa bàn huyện Tam Đường đã đo đạc bản đồ địa chính 52.248,07 ha/58.565,58 ha, đạt 94,11 % diện tích đất cần cấp.

1.3. Về bảo vệ môi trường

Trên địa bàn huyện Tam Đường không có cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; 100% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh; 78% dân số đô thị được sử dụng nước sạch; 97% chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom xử lý; chất thải nguy hại phát sinh từ sản xuất, kinh doanh được quản lý theo quy định; 100% chất thải y tế tại các cơ sở y tế được thu gom, phân loại và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn. Chất lượng môi trường sống ngày càng được nâng cao, không có cơ sở gây ô nhiễm môi trường, không có khu vực ô nhiễm môi trường phải xử lý.

1.4. Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2022, về cơ bản huyện đáp ứng các yêu cầu về chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, tránh thiên tai, giảm phát thải khí nhà kính. Kiểm soát, kiểm chế mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường, suy giảm đa dạng sinh học, đảm bảo chất lượng sống của Nhân dân; duy trì cân bằng sinh thái, chủ động, linh hoạt trước các diễn biến phức tạp của thời tiết, khí hậu.

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ

2.1. Nhiệm vụ chung

2.1.1. Công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về ứng phó biến đổi khí hậu, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường

Tăng cường các hoạt động truyền thông và vận động hưởng ứng các ngày lễ về môi trường như: Ngày Nước thế giới, ngày Môi trường thế giới, Tuần lễ quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường, Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn...; kết hợp kêu gọi thực hiện xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường, gắn kết tuyên truyền về bảo vệ môi trường với công tác tuyên truyền, triển khai thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; xây dựng khu dân cư văn hóa, gia đình văn hóa. Tích cực vận động thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện.

Chi đạo MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú như: thông qua hệ thống loa phát thanh tại các xã, thị trấn, qua các buổi sinh hoạt đoàn thể, các hoạt động ngoại khóa tại các trường học, đặc biệt Đoàn thanh niên duy trì tổ chức thường xuyên các hoạt động “Ngày chủ nhật xanh”, “Ngày thứ bảy tình nguyện”, thu dọn rác thải sinh hoạt, khơi thông hệ thống thoát nước tại các tuyến đường; hằng năm tổ chức chiến dịch tình nguyện về môi trường, thu hút hàng trăm đoàn viên, thanh niên tham gia hưởng ứng.

Qua công tác tuyên truyền, nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền và các tầng lớp Nhân dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trong tình hình mới được nâng lên; bước đầu các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện đã tích cực tham gia và cam kết thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường.

2.1.2. Nhiệm vụ trọng tâm về ứng phó biến đổi khí hậu

Chi đạo thực hiện tốt kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn huyện; lồng ghép các tiêu chí ứng phó với biến đổi khí hậu vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện; ưu tiên xác định các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh các biện pháp phòng, chống thiên tai, phát huy hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn huyện; xác định công trình, dự án ứng phó biến đổi khí hậu để triển khai nhằm hạn chế tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống của Nhân dân.

2.1.3. Nhiệm vụ trọng tâm về quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt Chỉ thị số 09/2007/CT-TTg, ngày 06/4/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường, quản lý sử dụng đất của các quy hoạch và dự án đầu tư; các quy định pháp luật đất đai về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Xây dựng quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất hằng năm đảm bảo quy định nhằm sử dụng hợp lý, hiệu quả và bền vững tài nguyên đất trên địa bàn huyện.

Tăng cường công tác quản lý hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng, hiện nay trên địa bàn huyện có 02 tổ chức hoạt động khai thác đá làm vật liệu xây dựng gồm Công ty TNHH MTV Tân Sinh và Hợp tác xã cơ khí Mường Lự. Chỉ đạo khai thác, sử dụng nguồn nước mặt theo hướng tiết kiệm và hiệu quả; ngăn chặn các hành vi làm gia tăng ô nhiễm, khắc phục tình trạng ô nhiễm, suy thoái tài nguyên nước, đảm bảo nguồn nước sạch, nước hợp vệ sinh cho Nhân dân.

Thường xuyên tuyên truyền, vận động việc sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên, năng lượng đến các cơ sở sản xuất và Nhân dân trên địa bàn; khuyến khích sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo từ các sản phẩm và phế liệu thải không gây hại hoặc ít gây hại đến môi trường.

2.1.4. Nhiệm vụ trọng tâm về bảo vệ môi trường

Chỉ đạo tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nhằm kịp thời phát hiện, phòng ngừa và kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường, tác động xấu đến môi trường.

Chú trọng quản lý các dịch vụ công ích, tăng cường quản lý hoạt động thu gom, xử lý rác thải, phát triển cây xanh đô thị nhằm cải thiện môi trường và điều kiện sống của người dân, hạn chế tác động do ô nhiễm môi trường đến sức khỏe của Nhân dân.

Tăng cường tác bảo vệ và phát triển rừng, đẩy mạnh việc giao đất, giao rừng và thực hiện các hình thức khoán thích hợp cho cá nhân, hộ gia đình để bảo vệ và phát triển rừng; thực hiện tốt công tác chi trả dịch vụ môi trường rừng, thường xuyên kiểm tra, xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm các quy định về quản lý, bảo vệ rừng và khai thác lâm sản.

2.2. Nhiệm vụ cụ thể

2.2.1. Về ứng phó với biến đổi khí hậu

Xây dựng năng lực chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu: Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chuyển đổi cơ cấu, giống cây trồng, vật nuôi, điều chỉnh mùa vụ, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu. Đến hết năm 2022, trồng được 862,2 ha cây ăn quả, trong đó triển khai trồng mới được 70 ha chanh leo và 30 ha cây ăn quả ôn đới. Triển khai công tác thường trực phòng chống lụt bão 24/24h; thường xuyên theo dõi diễn biến thời tiết, dự báo, cảnh báo, chỉ đạo kịp thời các biện pháp phòng tránh và sẵn sàng ứng phó, khắc phục thiệt hại khi có bão, lũ. Triển khai kịp thời các biện pháp nhằm phòng tránh hiệu quả, ứng phó kịp thời với các tình huống thiên tai có thể xảy ra, trong đó tập trung vào các nội dung: tăng cường thông tin, cảnh báo kịp thời đến

Nhân dân nhất là khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng dễ bị xảy ra sạt lở đất, lũ quét để chủ động các biện pháp phòng tránh, đặc biệt là tại các khu vực có mưa lớn kéo dài, đất đã bão hòa nước; vận động Nhân dân chủ động chuẩn bị, sẵn sàng phòng chống bảo vệ tài sản của gia đình. Khẩn trương rà soát, chủ động huy động lực lượng tổ chức di dời khẩn cấp các hộ dân ra khỏi các khu vực nguy hiểm, có nguy cơ bị sạt lở, lũ ống, lũ quét, chân các ta luy đồi có nguy cơ sạt lở đất; sẵn sàng phương án triển khai sơ tán đến nơi an toàn. Kiểm tra, rà soát, khắc phục nhanh các sự cố sạt lở, đảm bảo giao thông thông suốt trên các tuyến đường, đặc biệt là các tuyến quốc lộ. Rà soát, kiểm tra các công trình kè, đập, cầu cống, công trình đang thi công, có giải pháp đảm bảo an toàn về người và tài sản; giám sát chặt chẽ việc tích nước của hồ chứa, có phương án xử lý đảm bảo an toàn công trình và các vùng hạ du. Cảnh báo và tổ chức kiểm soát, hướng dẫn người qua lại tại các khu vực ngầm, tràn, đường bị ngập khi có mưa lũ. Thực hiện tốt phương châm “Bốn tại chỗ”, chuẩn bị đầy đủ các loại vật tư, vật liệu, phương tiện, nhu yếu phẩm cần thiết sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ cứu hộ người, tài sản và công trình, khắc phục kịp thời hậu quả trong và sau thiên tai, đảm bảo sớm ổn định đời sống và tái sản xuất của Nhân dân. Chỉ đạo các cơ quan chức năng chủ động triển khai các phương án phòng chống mưa, lũ, sạt lở đất; sẵn sàng lực lượng, phương tiện, vật tư thiết yếu để tổ chức ứng phó và khắc phục hậu quả khi có thiên tai xảy ra. Đài truyền thanh - Truyền hình huyện tăng cường công tác truyền tin, phổ biến các thông tin dự báo, cảnh báo tình hình diễn biến thời tiết, thiên tai, các chủ trương, chỉ thị, chỉ đạo về công tác phòng chống thiên tai một cách nhanh chóng, kịp thời, chính xác.

Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; bảo vệ, phát triển các hệ sinh thái tự nhiên, tăng cường khả năng hấp thụ khí nhà kính: Thường xuyên thúc đẩy các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, thực hiện chương trình giảm phát thải khí nhà kính thông qua công tác quản lý, bảo vệ rừng, trồng rừng, chống mất rừng, suy thoái rừng và tạo sinh kế cho cộng đồng. Thực hiện tốt chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Các nhiệm vụ cấp bách theo Kết luận 56-KL/TW: Chỉ đạo UBND huyện, Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai - Tìm kiếm cứu nạn huyện đã khẩn trương thành lập các đoàn công tác liên ngành trực tiếp xuống cơ sở phối kết hợp với chính quyền các xã, thị trấn, lập kế hoạch khắc phục hậu quả thiên tai lũ lụt, mưa đá, gió lốc, lũ ống, lũ quét gây thiệt hại về tài sản của Nhà nước và của Nhân dân, đồng thời hỗ trợ đột xuất những gia đình thiệt hại nặng về tài sản, nhà cửa... Kịp thời chỉ đạo khắc phục hậu quả trong sản xuất nông nghiệp, nhanh chóng ổn định đời sống sinh hoạt của Nhân dân. Khẩn trương di chuyển các hộ dân nằm trong khu vực nguy cơ cao xảy ra thiên tai đến nơi ở an toàn.

2.2.2. Về quản lý tài nguyên

Quy hoạch, quản lý và khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên quốc gia: Chỉ đạo các xã, thị trấn sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch được phê duyệt, sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý và có hiệu quả, bảo vệ diện tích đất nông nghiệp nhất là diện tích đất trồng lúa. Đẩy mạnh khai thác quỹ đất chưa sử dụng, mở hướng đi mới trong khai thác quỹ đất miền núi cho mục đích phi nông nghiệp. Tăng cường kiểm soát các nguồn thải gây ô nhiễm nguồn nước, kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác và sử dụng nước bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và bền vững. Đến hết năm 2022, tổng diện tích có rừng là 33.426,80 ha, tỷ lệ che phủ rừng 50,41%.

Thúc đẩy phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, các nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu mới thay thế các nguồn tài nguyên truyền thống: Đẩy mạnh đầu tư phát triển và sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo; thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu sử dụng năng lượng theo hướng tăng tỷ trọng sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo trong tổng năng lượng quốc gia. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển năng lượng mới, năng lượng tái tạo. Phát triển sản xuất các loại nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu mới để thay thế các loại tài nguyên truyền thống. Đối với thủy điện: năm 2012 huyện có 01 dự án, tổng công suất lắp máy 1,85 MW; năm 2022 huyện có 04 dự án thủy điện, tổng công suất lắp máy 39,85 MW; chưa có điện gió, điện từ năng lượng mặt trời, điện từ sinh khối.

Các nhiệm vụ cấp bách theo Kết luận 56-KL/TW: Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản trên địa bàn huyện; kịp thời đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra, xử lý các tổ chức, cá nhân được cấp phép hoạt động khoáng sản chấp hành các quy định của pháp luật. Năm 2018, Công an huyện phối hợp với UBND các xã Bản Hon, Bản Giang, Sơn Bình thu giữ khoảng 61,5 tấn khoáng sản đất hiếm do người dân vận chuyển trái phép; năm 2021, chỉ đạo UBND huyện lập tờ trình trình UBND tỉnh xử phạt vi phạm hành chính đối 01 trường hợp khai thác khoáng sản trái phép tại xã Bình Lư.

2.2.3. Về bảo vệ môi trường

Phòng ngừa và kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường: Chỉ đạo tăng cường công tác tuyên truyền nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả đánh giá tác động môi trường trên địa bàn. Tăng cường kiểm soát ô nhiễm từ sản xuất nông nghiệp (*du lượng thuốc bảo vệ thực vật, đốt rơm rạ...*) làm ảnh hưởng đến sức khỏe và đời sống của Nhân dân; tổ chức tuyên truyền nâng cao kiến thức về ô nhiễm không khí đến cộng đồng dân cư, đặc biệt là vận động Nhân dân hạn chế đốt thực bì làm nương rẫy, không đốt chất thải rắn, phụ phẩm nông nghiệp sau mỗi vụ thu hoạch; thực hiện thu gom, xử lý, chế biến rơm rạ, phụ phẩm nông nghiệp sau thu hoạch thành các sản phẩm có ích để giảm phát sinh khí thải, bụi gây ô nhiễm môi trường,

dần hình thành ý thức, thói quen trong cộng đồng dân cư (*hiện nay trên địa bàn huyện Tam Đường đã quy hoạch vị trí nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt, tuy nhiên chưa bố trí được kinh phí để đầu tư xây dựng*). Tập trung xử lý chất thải rắn, quản lý chất thải nguy hại: Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý hàng ngày do Phòng Tài nguyên và Môi trường hợp đồng với Hợp tác xã vệ sinh môi trường Mai Thoa, đối với chất thải nguy hại được thu gom vào các bể chứa thuốc bảo vệ thực vật đặt trên các cánh đồng thuận tiện cho việc thu gom của người dân. 100% số xã được thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt. Đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động bảo vệ môi trường, thúc đẩy phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, sản xuất và tiêu dùng bền vững.

Khắc phục ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của người dân, hạn chế tác động do ô nhiễm môi trường đến sức khoẻ của nhân dân: Trên địa bàn huyện có 01 Trạm xử lý nước cung cấp nước sạch cho các hộ dân trên địa bàn thị trấn Tam Đường và xã Bình Lư; có 78% dân số thị trấn được sử dụng nước sạch qua hệ thống cung cấp nước tập trung. Chỉ đạo cơ quan chức năng phối hợp với Sở Tài nguyên & Môi trường kiểm tra yêu cầu các đơn vị thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản đảm bảo theo quy định. Chú trọng cải thiện chất lượng không khí, cây xanh, không gian vui chơi, giải trí trong khu dân cư.

Bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học: Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo vệ, phục hồi, tái sinh rừng tự nhiên, đẩy mạnh trồng rừng, nhất là rừng đầu nguồn. Ngăn chặn có hiệu quả nạn phá rừng, cháy rừng: Đến hết năm 2022, trên địa bàn huyện có 1.152,46 ha rừng trồng (*rừng phòng hộ: 315,48 ha, rừng sản xuất: 836,98 ha*).

Các nhiệm vụ cấp bách theo Kết luận 56-KL/TW: Chỉ đạo UBND huyện, các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn tổ chức tuyên truyền, triển khai, vận động, xây dựng các mô hình thực hiện phân loại các chất thải tại nguồn, nhất là rác thải sinh hoạt. Phòng Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với UBND các xã: Hồ Thầu, Thèn Sin, Giang Ma, Sơn Bình, Tả Lèng, Nà Tăm xây dựng mô hình phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn.

3. Kết quả thực hiện các giải pháp

3.1. Tăng cường, đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, hình thành ý thức chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, sử dụng tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường

Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, hình thành ý thức chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, sử dụng tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường bằng nhiều hình thức như: Treo băng

rôn, khẩu hiệu, tuyên truyền bằng xe thông tin lưu động, tổ chức hội nghị, sinh hoạt chi bộ, họp cơ quan, đoàn thể, họp bản... Qua đó, góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm về công tác bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu của các cơ quan, đơn vị, đoàn thể và Nhân dân trên địa bàn huyện; phong trào bảo vệ môi trường trong Nhân dân ngày càng phát triển, nhận thức của người dân về công tác bảo vệ môi trường có nhiều chuyển biến tích cực.

Chú trọng công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ về bảo vệ môi trường cho cán bộ, công chức phụ trách quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

3.2. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong ứng phó biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

Tập trung chỉ đạo các cấp chính quyền thường xuyên kiểm tra, kiểm soát, kịp thời ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ trong các ngành, lĩnh vực, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp, nhằm chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên.

Chỉ đạo các xã, thị trấn thực hiện sản xuất nông nghiệp, phát triển theo hướng sử dụng những giống mới có năng suất, chất lượng cao, thời gian sinh trưởng ngắn, thích ứng với điều kiện thời tiết của Lai Châu; phát triển các mô hình sản xuất rau sạch, rau an toàn; tuyên truyền, vận động Nhân dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng và thời vụ gieo cấy, điều chỉnh linh hoạt lịch thời vụ phù hợp với những thay đổi về thời tiết, khí hậu so với quy luật cũ nhằm hạn chế tác động của thiên tai, sâu bệnh. Năm 2022, tổng sản lượng lương thực đạt 41.410 tấn.

3.3. Tăng cường quản lý nhà nước về ứng phó biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường

Chỉ đạo lồng ghép nội dung bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu trong công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, gắn quy hoạch, xây dựng phát triển đô thị bền vững với bảo vệ môi trường sinh thái. Xác định một số mục tiêu quan trọng về bảo vệ môi trường trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội: tăng tỷ lệ che phủ rừng, tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh, tăng cường phát triển diện tích cây xanh và không gian công cộng trong đô thị.

Chú trọng công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ về bảo vệ môi trường cho cán bộ, công chức phụ trách quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tại các xã, thị trấn.

Hàng năm, bố trí kinh phí đảm bảo chi cho công tác bảo vệ môi trường như: Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải; kinh phí tổ chức các hoạt động tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường...

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Cấp ủy, chính quyền các cấp triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương và Kết luận số 56-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Nhận thức, ý thức trách nhiệm và hành động về quản lý tài nguyên bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện có sự chuyển biến tích cực trong cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và dân cư; vấn đề thích ứng với biến đổi khí hậu bước đầu đã được quan tâm thực hiện có hiệu quả; việc khai thác, sử dụng đất đai, khoáng sản thực hiện theo đúng quy hoạch; công tác quản lý Nhà nước về ứng phó biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, công tác bảo tồn đa dạng sinh học được chú trọng triển khai và thực hiện đồng bộ, có hiệu quả.

2. Hạn chế, yếu kém và nguyên nhân

2.1 Hạn chế, yếu kém

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm nâng cao nhận thức của người dân về công tác quản lý, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường có thời điểm chưa thường xuyên, sâu rộng.

Công tác ứng phó với biến đổi khí hậu ở một số xã còn lúng túng, bị động; việc sử dụng đất chưa hiệu quả.

Kinh phí đầu tư sự nghiệp bảo vệ môi trường chưa đáp ứng với nhu cầu thực tế; chưa xây dựng được bãi rác cấp huyện theo tiêu chuẩn; các xã trên địa bàn huyện chưa có bãi rác xử lý theo tiêu chuẩn (*chủ yếu do người dân tự chôn lấp, đốt*).

2.2. Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém

Một số cấp ủy, chính quyền cơ sở chưa quan tâm đúng mức trong việc lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác quản lý Nhà nước về tài nguyên và môi trường. Công tác quản lý và phối hợp giữa các cơ quan chức năng với cơ sở có lúc chưa chặt chẽ.

Đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ môi trường còn mỏng, thiếu kinh nghiệm, kiêm nhiệm, chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

Nhận thức của một bộ phận Nhân dân về công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường còn hạn chế; đời sống của Nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo còn cao.

3. Bài học kinh nghiệm

Một là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của các cấp uỷ đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên và Nhân dân về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Hai là, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng, chính quyền đối với công tác ứng phó với thiên tai do tác động của biến đổi khí hậu. Xác định đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng, trọng tâm, có tính lâu dài trong việc phát triển kinh tế - xã hội.

Ba là, thường xuyên điều tra hiện trạng, xây dựng giải pháp kỹ thuật phòng, chống sạt lở đất, đồng thời có phương án di dân ra khỏi vùng có nguy cơ sạt lở trong mùa mưa bão.

PHẦN THỨ HAI

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ VỀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU, QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG THỜI GIAN TỚI

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, nhằm nâng cao hơn nữa nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về tầm quan trọng của việc ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Thống nhất nhận thức ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường phải dựa trên phương thức quản lý tổng hợp, liên ngành, liên vùng, có trọng tâm, trọng điểm, dựa vào nội lực là chính, vừa đảm bảo cho nhiệm vụ trước mắt, vừa đáp ứng yêu cầu phát triển lâu dài. Đồng thời, tăng cường phổ biến kinh nghiệm, xây dựng kỹ năng phòng tránh thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu cho các lực lượng chức năng.

Tập trung xây dựng các công trình bảo vệ môi trường nông thôn, thu gom, xử lý rác thải; hệ thống tiêu thoát nước; nghĩa trang; ao, hồ sinh thái; thúc đẩy mạnh mẽ phong trào trồng cây xanh, xây dựng khu vui chơi, giải trí công cộng; lồng ghép có hiệu quả tiêu chí bảo vệ môi trường vào chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới; nâng cao năng lực quản lý bảo vệ tài nguyên và môi trường; thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, huy động mọi nguồn lực đầu tư cho môi trường.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương và Kết luận số 56-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu nhằm nâng cao nhận thức, hình thành ý thức bảo vệ môi trường cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân, đồng thời rà soát, cập nhật và triển khai các văn bản pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường đến các cấp, các ngành và cộng đồng dân cư trên địa bàn huyện.

2. Tiếp tục xây dựng, triển khai các nhiệm vụ về biến đổi khí hậu; thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 dựa trên tình hình thực tế tại địa phương, nhằm sử dụng đất đai tiết kiệm, hợp lý, có lồng ghép các yếu tố biến đổi khí hậu.

3. Tổ chức đánh giá chất lượng, tiềm năng tài nguyên đất, trong đó tiến hành khai thác có hiệu quả quỹ đất chưa được sử dụng; tiếp tục đẩy mạnh việc hướng dẫn, tuyên truyền, kiểm tra đối với các hoạt động khai thác tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước trên địa bàn huyện.

4. Thường xuyên cập nhật số liệu về khí tượng thủy văn do các cơ quan chức năng cung cấp. Quản lý tốt cơ sở dữ liệu, thông tin và truyền thông liên quan đến biến đổi khí hậu, khí tượng thủy văn, tài nguyên nước, khoáng sản...

5. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai, quản lý tài nguyên khoáng sản; thường xuyên khảo sát các điểm có nguy cơ sạt lở và đề xuất phương án xử lý kịp thời; tiếp tục chỉ đạo thực hiện hiệu quả công tác giao đất, giao rừng, khoán quản lý bảo vệ rừng, chi trả dịch vụ môi trường rừng, đồng thời xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định.

6. Chỉ đạo các xã tiếp tục duy trì và thực hiện tốt các nội dung về môi trường trong xây dựng nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao; hoàn thiện các nội dung về tiêu chí môi trường và chất lượng môi trường sống trong xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2025.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy,
- Ban Cán sự UBND tỉnh,
- TT Huyện ủy, HĐND, lãnh đạo UBND huyện,
- Các chi, đảng bộ cơ sở,
- Lưu.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



Cao Trang Trọng

Phụ lục 1

Tình hình thực hiện các mục tiêu của Nghị quyết 24/NQ-TW
(Kèm theo Báo cáo số 381 -BC/HU ngày 10/5/2023 của BTV Huyện ủy)

STT	Các mục tiêu cụ thể của Nghị quyết	Mục tiêu đề ra đến 2020	Hiện trạng 2013	Kết quả đến 2022	Ghi chú
A	Về ứng phó với biến đổi khí hậu				
	<i>Giảm dần thiệt hại về người, tài sản do thiên tai gây ra</i>				
	- Số người chết, mất tích		0	11	
	- Ước tính tổng thiệt hại về người và tài sản		8,5 tỷ đồng	155,6 tỷ đồng	
	<i>Chủ động phòng, chống, hạn chế tác động của ngập lụt</i>				
	- Số điểm ngập úng đã được xử lý/tổng số điểm ngập úng		0	0	
	- Số điểm ngập úng phát sinh		0	0	
B	Về quản lý tài nguyên				
	<i>Đánh giá được tiềm năng, giá trị của các nguồn tài nguyên quan trọng trên đất liền</i>				
	<i>Tài nguyên đất</i>				
	Tỷ lệ diện tích đất đã được điều tra, đánh giá về chất lượng đất, tiềm năng đất đai			-	
	<i>Khai thác hiệu quả và bền vững sinh thái, cảnh quan, tài nguyên sinh vật</i>				
	- Diện tích/Tỷ lệ diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững			-	
	- Tổng số tiền thu từ chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng			-	
	- Sản lượng khai thác gỗ từ rừng tự nhiên			-	
	<i>Hạn chế tối đa xuất khẩu khoáng sản thô</i>				
	Tỷ lệ/khối lượng khoáng sản thô xuất khẩu trên tổng lượng khai thác khoáng sản			-	
C	Về bảo vệ môi trường				
	<i>Không để phát sinh và xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng</i>				
	- Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo QĐ 64/QĐ-TTg được xử lý				Không có cơ sở gây ô nhiễm

STT	Các mục tiêu cụ thể của Nghị quyết	Mục tiêu đề ra đến 2020	Hiện trạng 2013	Kết quả đến 2022	Ghi chú
					MTNT
	- Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo QĐ 1788/QĐ-TTg được xử lý				Không có cơ sở gây ô nhiễm MTNT
	- Số cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng mới phát sinh tại địa phương		0	0	
	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đã đi vào hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung	100%			Không có
	Tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trước khi xả ra môi trường	30%			Chưa có hệ thống XLNT tập trung
	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý (%)	90%	-	97	
	Tỷ lệ chất thải nguy hại được tiêu hủy, xử lý (%)	>85%	-	-	
	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý (%)	100%	-	100	
	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp trên tổng lượng chất thải được thu gom (%)	<30%	100	100	
	Tỷ lệ dân cư thành thị được sử dụng nước sạch (%)		78	87	
	Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh (%)		98	100	
	Tỷ lệ diện tích đất bị ô nhiễm do hóa chất BTVV tồn lưu được xử lý, cải tạo, phục hồi (%)				Không có
	Nâng cao chất lượng môi trường không khí ở các đô thị, khu vực đông dân cư				
	- Tỷ lệ số ngày có nồng độ bụi vượt quá tiêu chuẩn cho phép ở các TP lớn				-
	- Tỷ lệ diện tích đất cây xanh bình quân đầu người trong các đô thị, khu dân cư (m ² /người)		-	3,6 m ² /người	
	- Tỷ lệ xe buýt công cộng sử dụng nhiên liệu sạch				-
	- Thị phần vận tải hành khách công cộng trên tổng nhu cầu đi lại của khu vực đô thị				-
	Cải thiện rõ rệt môi trường làng nghề và khu vực nông thôn				

STT	Các mục tiêu cụ thể của Nghị quyết	Mục tiêu đề ra đến 2020	Hiện trạng 2013	Kết quả đến 2022	Ghi chú
	- Tỷ lệ làng nghề được công nhận đáp ứng đầy đủ các điều kiện về bảo vệ môi trường				Hiện có 02 làng nghề
	- Tỷ lệ làng nghề ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý		0	0	
	- Tỷ lệ xã đạt chuẩn vệ sinh môi trường theo tiêu chí nông thôn mới (%)		0	83,3	
	<i>Quản lý khai thác hợp lý, sớm chấm dứt khai thác rừng tự nhiên</i>				
	- Diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên				Không có
	- Độ che phủ của rừng (%)		47,4	50,41	

“-”: Không có số liệu

Phụ lục 2**Số liệu thể hiện kết quả thực hiện các nhiệm vụ của Nghị quyết 24-NQ/TW**
(Kèm theo Báo cáo số 381 -BC/HU ngày 10/5/2023 của BTV Huyện ủy)

STT	Chỉ tiêu đánh giá	2013	2022	Ghi chú
I	Nhiệm vụ chung			
	<i>Thí điểm phát triển mô hình kinh tế xanh, công nghiệp xanh, đô thị xanh, nông thôn xanh</i>			
	- Số lượng và loại hình mô hình kinh tế xanh được triển khai, áp dụng	0	0	
	- Số lượng và loại hình mô hình công nghiệp xanh được triển khai, áp dụng	0	0	
	- Số lượng và loại hình mô hình đô thị xanh, công trình xanh được triển khai, áp dụng	0	0	
	- Số lượng và loại hình mô hình nông thôn xanh, nông thôn kiểu mẫu được triển khai áp dụng	0	0	
II	Nhiệm vụ cụ thể			
A	Về ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH)			
	<i>Chuyên đổi cơ cấu, giống cây trồng, vật nuôi, điều chỉnh mùa vụ,, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu</i>			
	- Số giống cây trồng mới được nghiên cứu, ứng dụng để ứng phó các tác động của BĐKH ở địa phương	-	-	
	- Số giống vật nuôi mới được nghiên cứu, ứng dụng để ứng phó các tác động của BĐKH ở địa phương	-	-	
	- Số lượng, loại hình biện pháp kỹ thuật đã áp dụng trong sản xuất nông nghiệp để thích ứng với BĐKH	-	-	
	<i>Tăng cường kiến thức, nâng cao năng lực thích ứng, bảo đảm sinh kế cho người dân những vùng nguy cơ bị ảnh hưởng nặng nề của BĐKH, thường xuyên bị thiên tai</i>			
	- Tỷ lệ người dân được tập huấn/ đào tạo nâng cao hiểu biết về thích ứng với BĐKH, thiên tai ở những vùng có nguy cơ cao	-	-	
	- Số mô hình sinh kế thích ứng với BĐKH được xây dựng ở vùng có nhiều rủi ro thiên tai	0	0	
	- Số chương trình truyền thông về BĐKH, phòng chống thiên tai được tổ chức	0	09	
	<i>Nâng cao năng lực tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ, phòng, chống dịch bệnh. Chú trọng chăm sóc sức khỏe nhân dân trong các ùng bị tác động mạnh của BĐKH. Phát huy trách nhiệm và huy động các doanh nghiệp, cộng đồng dân cư tích cực tham gia phòng, tránh, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với BĐKH</i>			
	- Số đợt tập huấn, nâng cao năng lực tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ	-	-	
	- Số chương trình phòng chống dịch bệnh do thiên tai đã được thực hiện	-	-	
	- Các chương trình chăm sóc sức khỏe nhân dân trong các vùng chịu tác động mạnh của BĐKH	-	-	

STT	Chỉ tiêu đánh giá	2013	2022	Ghi chú
	- Số lượng, loại hình mô hình cộng đồng tham gia phòng tránh giảm nhẹ thiên tai, ứng phó BĐKH	-	-	
	<i>Thực hiện chương trình nâng cấp, bảo đảm an toàn các hồ chứa nước</i>			
	- Số lượng, tỷ lệ % hồ chứa được nâng cấp, cải tạo bảo đảm an toàn	-	-	
	<i>Nâng cấp các đoạn đê sông xung yếu</i>			
	- Số km, tỷ lệ % chiều dài đê sông xung yếu được nâng cấp			
	<i>Bảo vệ, đẩy mạnh phục hồi, trồng rừng phòng hộ đầu nguồn</i>			
	- Diện tích rừng phòng hộ đầu nguồn	23.628 ha	23.995,04 ha	
	<i>Củng cố và xây dựng mới các công trình cấp, thoát nước của các đô thị</i>			
	- Tỷ lệ phục vụ của hệ thống thoát nước đô thị	-	-	
	- Tỷ lệ về phạm vi phục vụ của các hệ thống thoát nước mưa của đô thị phù hợp với cao độ nền và thoát nước mặt	-	-	
	Đẩy mạnh các biện pháp phòng, chống, hạn chế tác động của ngập lụt			
	<i>Chủ động di dời, sắp xếp lại các điểm dân cư ở những vùng thường xuyên bị tác động của lũ lụt, bão và những khu vực có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất</i>			
	- Tỷ lệ, số hộ dân được di dời, sắp xếp, bố trí ổn định theo chương trình 1776/QĐ-TTG ngày 21/11/2012			Không có
	Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; bảo vệ, phát triển các hệ sinh thái tự nhiên, tăng cường khả năng hấp thụ khí nhà kính			
	<i>Điều tra, kiểm kê, xây dựng lộ trình, kế hoạch thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với từng ngành, lĩnh vực, địa phương</i>			
	- Tỉnh, thành phố cập nhật kế hoạch hành động ứng phó BĐKH chưa?	Có	Có	
	- Tỉnh, thành phố đã xây dựng kế hoạch tăng trưởng xanh chưa?	Không	Không	
	- Tỉnh, thành phố đã xây dựng kế hoạch thực hiện thỏa thuận Paris chưa?	Không	Không	
	<i>Thúc đẩy các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với điều kiện nước ta trên cơ sở hỗ trợ tài chính và công nghệ của các nước và tổ chức quốc tế</i>			
	<i>Lĩnh vực nông nghiệp</i>			
	- Trồng trọt			
	+ Số lượng, loại hình các hoạt động/dự án giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong trồng trọt (kỹ thuật canh tác, xử lý rơm rạ, phân bón, chuyển đổi cây trồng...) đã được áp dụng	-	-	
	- Chăn nuôi			
	+ Số lượng, loại hình các hoạt động/dự án giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong chăn nuôi (thay đổi khẩu phần thức ăn gia súc, cung cấp bánh dinh dưỡng cho bò sữa, hầm biogas được xây dựng...) đã được áp dụng	-	-	
	<i>Lĩnh vực năng lượng, xây dựng</i>			
	+ Số lượng, loại hình các hoạt động/dự án giảm	-	-	



STT	Chỉ tiêu đánh giá	2013	2022	Ghi chú
	nhẹ phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực năng lượng đã được áp dụng			
	+ Số lượng, loại hình các hoạt động/dự án giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực xây dựng đã được áp dụng	-	-	
	<i>Công nghiệp</i>			
	- Số lượng, loại hình các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực công nghiệp đã được áp dụng	-	-	
	- Tỷ lệ các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng biện pháp sản xuất sạch hơn và tăng cường tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu	-	-	
	- Số lượng, loại hình các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong công nghiệp đã được áp dụng	-	-	
	<i>Giao thông vận tải</i>			
	- Tỷ lệ xe buýt, xe taxi sử dụng nhiên liệu khí nén tự nhiên, khí hóa lỏng và năng lượng mặt trời	-	-	
	- Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng đáp ứng nhu cầu đi lại tại các đô thị lớn	-	-	
	<i>Ưu tiên thực hiện chương trình giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực chống mất rừng, suy thoái rừng và tạo sinh kế cho cộng đồng</i>			
	- Diện tích các mô hình kinh doanh rừng năng suất cao và rừng gỗ lớn	-	-	
	- Diện tích, mô hình quản lý rừng tự nhiên bền vững, bảo vệ, bảo tồn và phục hồi rừng	-	-	
	- Diện tích được cấp chứng chỉ rừng hoặc chứng chỉ quản lý rừng bền vững	-	-	
	<i>Nhiệm vụ cấp bách theo Kết luận 56-KL/TW</i>			
	- Số lượng, tỷ lệ điểm sạt lở ven sông được xử lý			Không có
	- Tỷ lệ hộ dân được di dời ra khỏi các vùng có nguy cơ sạt lở bờ sông, sạt lở núi, lũ quét và các nguy cơ thiên tai khác			Không có
	- Số lượng các công trình thủy lợi được xây dựng để nâng cao khả năng tưới tiêu cho các vùng thường xuyên bị hạn hán, úng ngập nặng			
B	Về quản lý tài nguyên			
	Đẩy mạnh điều tra, đánh giá tiềm năng trữ lượng, giá trị kinh tế, thực trạng và xu hướng diễn biến của các nguồn tài nguyên quốc gia			
	<i>Coi trọng công tác điều tra cơ bản tài nguyên</i>			
	<i>Tài nguyên đất</i>			
	- Tỷ lệ diện tích đất đã được điều tra, đánh giá về chất lượng đất, tiềm năng đất đai	-	-	
	- Tỷ lệ diện tích đất đã được đo đạc lập bản đồ địa chính	78	94,60%	
	- Tỷ lệ diện tích đất đã cấp giấy chứng nhận lần đầu	86,14 %	94,11 %	

STT	Chỉ tiêu đánh giá	2013	2022	Ghi chú
	Quy hoạch, quản lý và khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên quốc gia			
	<i>Xây dựng chiến lược bảo vệ, khai thác, sử dụng các loại tài nguyên quan trọng đối với phát triển đất nước. Hạn chế tối đa, từng bước tiến tới chấm dứt xuất khẩu khoáng sản thô và thúc đẩy chế biến sâu. Định hướng dự trữ, nhập khẩu một số loại khoáng sản quan trọng đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội lâu dài của đất nước</i>			
	<i>Tài nguyên khoáng sản</i>			
	- bảo vệ khoáng sản chưa khai thác			
	+ Số dự án/mỏ khai thác khoáng sản trái phép/không có giấy phép	0	0	
	+ Số lượt xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản	-	-	
	+ Số tiền xử phạt VPHC khai thác khoáng sản trái phép/không phép	-	-	
	+ Số tổ chức/cá nhân được thanh tra/kiểm tra	-	-	
	<i>Tài nguyên rừng</i>			
	- Tổng diện tích đất lâm nghiệp	48.218 ha	36.169,68 ha	
	- Diện tích và độ che phủ rừng	33.139ha; độ che phủ 47,4%	33.426,8 ha; độ che phủ 50,41%	
	- Số lượng và diện tích hệ thống rừng đặc dụng hiện có	-	-	
	<i>Đổi mới công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai. Thúc đẩy sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý và có hiệu quả; đẩy mạnh khai thác quỹ đất chưa sử dụng. Bảo vệ, phòng, chống hoang mạc hóa, sa mạc hóa</i>			
	<i>Thúc đẩy sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý và có hiệu quả</i>			
	- Tỷ lệ các dự án đã giao đất chậm đưa vào sử dụng	-	-	
	- Tỷ lệ diện tích các dự án đã giao đất chậm đưa vào sử dụng	-	-	
	- Tổng các khoản thu tài chính từ đất đai			
	- Số lượng các khu công nghiệp đã hoạt động			Không có
	- Tổng diện tích đất các KCN đã hoạt động			Không có
	- Tỷ lệ lấp đầy các KCN đã hoạt động	-	-	
	- Số lượng các cụm công nghiệp đã hoạt động			Không có
	- Tổng diện tích đất các cụm công nghiệp đã hoạt động	-	-	
	- Tỷ lệ lấp đầy các cụm công nghiệp đã hoạt động	-	-	
	- Thu nhập bình quân/ha đất canh tác nông	-	-	

STT	Chỉ tiêu đánh giá	2013	2022	Ghi chú
	nghiệp			
	<i>Kết hợp bảo vệ diện tích, độ phì nhiêu của đất canh tác nông nghiệp</i>			
	- Diện tích đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	-	82,6 ha	
	- Tỷ lệ diện tích canh tác có độ phì nhiêu cao/tổng diện tích đất canh tác nông nghiệp	-	-	
	<i>Từng bước khắc phục tình trạng manh mún, nhỏ lẻ trong sử dụng đất</i>			
	- Số lượng thửa đất nông nghiệp	-	-	
	- Diện tích bình quân/thửa đất nông nghiệp	-	-	
	- Số lượng trang trại	-	-	
	- Diện tích bình quân/trang trại	-	-	
	- Số lượng doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp	-	-	
	- Diện tích bình quân/doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp	-	-	
	- Số lượng cánh đồng mẫu lớn			Không có
	- Diện tích bình quân/cánh đồng mẫu lớn			
	- Thu nhập bình quân/cánh đồng mẫu lớn			
	<i>Đẩy mạnh khai thác quỹ đất chưa sử dụng</i>			
	- Diện tích đất chưa sử dụng được khai thác sử dụng cho các mục đích	-	193,13	
	<i>Bảo vệ, phòng, chống hoang hóa, sa mạc hóa</i>			
	- Diện tích, tỷ lệ % đất bị hoang hóa, sa mạc hóa	0	0	
	- Diện tích đất bị thoái hóa	0	0	
	<i>Quản lý và khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả và bền vững tài nguyên nước</i>			
	- Số lượng mô hình tiết kiệm nước trong nông nghiệp được triển khai áp dụng tại địa phương	-	-	
	- Tỷ lệ diện tích áp dụng tưới nước tiết kiệm (tưới nhỏ giọt, tưới phun mưa) trên tổng diện tích canh tác	-	-	
	- Tỷ lệ thất thoát nước từ hệ thống tưới tiêu trong các công trình thủy lợi	-	-	
	- Tỷ lệ các cơ sở công nghiệp áp dụng các giải pháp tiết kiệm nước trong sản xuất	-	-	
	- Tỷ lệ thất thoát nước sạch ở đô thị	-	-	
	<i>Thúc đẩy phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, các nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu mới thay thế các nguồn tài nguyên truyền thống</i>			
	- Thủy điện			Không có
	+ Tổng số dự án thủy điện			
	+ Tổng công suất đăng ký			
	+ Tổng số dự án đã đi vào hoạt động			
	+ Tổng công suất phát điện thực tế			
	- Điện gió			Không có
	+ Tổng số dự án và tổng công suất đăng ký			
	+ Tổng số dự án và tổng công suất của các dự án đã đi vào hoạt động			
	- Điện từ năng lượng mặt trời			Không

STT	Chỉ tiêu đánh giá	2013	2022	Ghi chú
				có
	+ Tổng số dự án và tổng công suất đăng ký			
	+ Tổng số dự án và tổng công suất của các dự án đi vào hoạt động			
	- Điện từ sinh khối			Không có
	+ Tổng số dự án và tổng công suất đăng ký			
	+ Tổng số dự án và tổng công suất của các dự án đã đi vào hoạt động			
C	Về bảo vệ môi trường			
1	Phòng ngừa và kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường			
	<i>Nâng cao hiệu lực, hiệu quả đánh giá tác động môi trường</i>			
	- Số lượng, tỷ lệ % báo cáo ĐTM được phê duyệt qua các năm	-	-	
	- Số lượng, tỷ lệ % dự án được kiểm tra, xác nhận tuân thủ báo cáo ĐTM trước khi cho phép vận hành	-	-	
	- Số lượng, tỷ lệ % cơ sở thực hiện nghiêm túc các cam kết trong báo cáo ĐTM qua các năm	-	-	
	<i>Tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường</i>			
	- Tỷ lệ các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt yêu cầu	-	-	
	- Tỷ lệ cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung vận hành đạt yêu cầu	-	-	
	- Tỷ lệ nước thải sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia			Chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung
	<i>Kiểm soát chất lượng không khí ở khu vực đô thị, thành phố có mật độ dân cư cao</i>			
	- Số trạm quan trắc môi trường không khí tự động tại các đô thị, thành phố có mật độ dân cư cao	0	0	
	- Tỷ lệ ngày trong năm có nồng độ các chất trong môi trường không khí vượt quá quy chuẩn cho phép	-	-	
	<i>Kiểm soát ô nhiễm từ sản xuất nông nghiệp</i>			
	- Tỷ lệ số điểm ô nhiễm do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu được xử lý theo QĐ 1946/QĐ-TTg ngày 21/10/2010			Không có
	- Tỷ lệ % xã đạt tiêu chí môi trường về an toàn thực phẩm	0	83,3%	
	- Tỷ lệ % xã đạt tiêu chí nông thôn mới	0	66,66%	
	- Lượng phân bón hóa học được sử dụng qua các năm trên 1ha đất canh tác nông nghiệp	-	-	
	- Lượng thuốc bảo vệ thực vật được sử dụng trên 1ha đất canh tác nông nghiệp	-	-	

STT	Chỉ tiêu đánh giá	2013	2022	Ghi chú
	<i>Ngăn chặn việc đưa công nghệ lạc hậu, máy móc, thiết bị, nguyên, nhiên vật liệu không đảm bảo yêu cầu về môi trường từ bên ngoài vào nước ta</i>			
	- Số lượng, tỷ lệ % dự án đầu tư bị từ chối do có công nghệ lạc hậu, máy móc thiết bị không đáp ứng yêu cầu BVMT	-	-	
	- Tỷ lệ % cơ sở sản xuất kinh doanh có trình độ công nghệ tiên tiến		-	
	<i>Đẩy mạnh thực hiện các chương trình, dự án đầu tư xử lý nước thải</i>			
	- Tỷ lệ bệnh viện có hệ thống xử lý nước thải đạt yêu cầu	100%	100%	
	<i>Tập trung xử lý chất thải rắn, quản lý chất thải nguy hại. Thúc đẩy tái sử dụng, tái chế và sản xuất, thu hồi năng lượng từ chất thải</i>			
	- Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom	-	97%	
	- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	-	-	
	- Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh	100%	100%	Có 01 bãi chôn lấp hợp vệ sinh
	- Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt yêu cầu về môi trường	-	-	
	- Tỷ lệ chất thải y tế được thu gom, xử lý	-	100%	
	- Tỷ lệ chất thải rắn nông thôn được xử lý	-	-	
	- tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được tái chế, tái sử dụng, thu hồi năng lượng hoặc sản xuất phân hữu cơ so với tổng lượng phát sinh được thu gom	-	-	
	<i>Phát triển ngành kinh tế môi trường trên cơ sở ngành công nghiệp môi trường, dịch vụ bảo vệ môi trường và tái chế chất thải</i>			
	- Số lượng doanh nghiệp dịch vụ môi trường tham gia thu gom, xử lý chất thải tại địa phương	01	01	
	<i>Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường, thúc đẩy phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, sản xuất và tiêu dùng bền vững</i>			
	- Số lượng, tỷ lệ các doanh nghiệp ngoài nhà nước tham gia thu gom, xử lý chất thải rắn	0	01	
	- Số lượng, tỷ lệ doanh nghiệp ngoài nhà nước tham gia đầu tư, sản xuất năng lượng tái tạo			
2	<i>Khắc phục ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của người dân, hạn chế tác động do ô nhiễm môi trường đến sức khỏe nhân dân</i>			
	<i>Quan tâm cải thiện chất lượng môi trường sống, cung cấp nước sạch và dịch vụ vệ sinh môi trường cho người dân</i>			
	- Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch	-	78%	
	- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	88,5%	100%	
	- Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh	-	77,1%	
	<i>Tập trung xử lý triệt để, dứt điểm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng</i>			
	- Số cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo QĐ 64/QĐ-TTg được xử lý			Không có

STT	Chỉ tiêu đánh giá	2013	2022	Ghi chú
	- Số cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo QĐ 1788/QĐ-TTg được xử lý			Không có
	- Số cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng mới phát sinh	0	0	
<i>Chú trọng cải tạo những ao, hồ, kênh, mương, đoạn sông, suối bị ô nhiễm nặng trước hết ở nơi đầu nguồn</i>				
	- Tỷ lệ diện tích mặt nước ao, hồ, kênh mương, sông trong đô thị bị ô nhiễm được cải tạo, phục hồi			Không có điểm ô nhiễm
<i>Thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản</i>				
	- Số lượng, tỷ lệ dự án khai thác khoáng sản đã thực hiện quy định ký quỹ, đặt cọc về phục hồi môi trường	-	2/2 đạt 100%	
	- Số lượng, tỷ lệ dự án khai thác khoáng sản đã thực hiện phục hồi môi trường sau khai thác	-	-	
<i>Chú trọng cải thiện chất lượng không khí, cây xanh, không gian vui chơi, giải trí trong các đô thị, khu dân cư nhất là các thành phố lớn</i>				
	- Tỷ lệ diện tích đất cây xanh bình quân đầu người trong các đô thị, khu dân cư	-	3,6 m ² /người	
	- Tỷ lệ xe buýt công cộng sử dụng nhiên liệu sạch	-	-	
	- Thị phần vận tải hành khách công cộng trên tổng nhu cầu đi lại của các khu vực đô thị	-	-	
3	<i>Bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học</i>			
<i>Bảo vệ nghiêm ngặt các loài động vật hoang dã, các giống cây trồng, cây dược liệu, vật nuôi có giá trị, loài quý hiếm có nguy cơ bị tuyệt chủng. Ngăn chặn sự xâm nhập, phát triển của sinh vật ngoại lai xâm hại. Tăng cường quản lý rủi ro từ sinh vật biến đổi gen.</i>				
	Số vụ bắt giữ động vật hoang dã bị buôn bán trái phép	0	0	
	Số lượng động vật hoang dã bị buôn bán trái phép bị bắt giữ (con)	0	0	
	Số loài ngoại lai xâm hại (loài)	-	-	
<i>Thực hiện nhiệm vụ cấp bách theo Kết luận 56-KL/TW</i>				
	Tỉnh/TP đã thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn chưa? Tỷ lệ % số hộ đã thực hiện?	Chưa	Có	
	Số lượng/Tỷ lệ các bãi chôn lấp chất thải ô nhiễm môi trường gây khiếu nại, khiếu kiện của người dân được xử lý	0	0	

“-”: Không có số liệu

